

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỚI SỰ NGHIỆP GIẢI PHÓNG DÂN TỘC (1930-1975)

PGS, TS TRẦN ĐỨC CƯỜNG

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Ngày nhận:

14-2-2026

Ngày thẩm định, đánh giá:

23-2-2026

Ngày duyệt đăng:

24-2-2026

Tóm tắt: Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, Việt Nam lâm vào cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước và lực lượng lãnh đạo cách mạng. Trong bối cảnh ấy, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành (Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh) đã quyết chí đi ra nước ngoài và tìm thấy con đường cứu nước - con đường cách mạng vô sản. Từ sự sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đầu năm 1930 với Cương lĩnh chính trị đúng đắn đã trở thành nhân tố quyết định, dẫn dắt dân tộc đi từ thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám (năm 1945) đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Bằng tư duy chiến lược độc lập, tự chủ và sáng tạo, Đảng đã xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, kết hợp tài tình các mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao để hiện thực hóa khát vọng “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Từ khóa:

*Đảng Cộng sản Việt Nam;
giải phóng dân tộc; độc
lập, tự chủ, sáng tạo*

1 Trong lịch sử thế giới, từ thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản ở nhiều nước thuộc Tây Âu và Bắc Mỹ đã phát triển với tốc độ nhanh chóng. Chủ nghĩa thực dân, con đẻ của CNTB mở cuộc chạy đua tìm kiếm thị trường tiêu thụ hàng hoá đồng thời với việc vơ vét tài nguyên, khoáng sản để phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa ở chính quốc. Trong tình hình ấy, các quốc gia thuộc châu Á và châu Phi là những đối tượng xâm chiếm của chủ nghĩa

thực dân phương Tây. Thực dân Anh tiến hành xâm lược các nước Ấn Độ, Miến Điện (nay là Myanmar), Malaysia... Cùng với đó, thực dân Tây Ban Nha xâm lược Philippines, Hà Lan xâm chiếm Indonesia... Tư bản Anh, Pháp nhòm ngó Việt Nam, một nước giàu nguyên liệu, sẵn nhân công và đang phải chịu ách thống trị của triều đình phong kiến nhà Nguyễn lúc đó đã trở nên bảo thủ, lạc hậu, kìm hãm sự phát triển của đất nước.

Sau một quá trình điều tra, nhòm ngó lâu dài và chuẩn bị ráo riết về mọi mặt, ngày 1-9-1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược, rồi từng bước biến Việt Nam thành thuộc địa. Phát huy truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của dân tộc, từ năm 1858 đến cuối thế kỷ XIX, nhân dân Việt Nam đã liên tiếp đứng lên đấu tranh chống thực dân Pháp, nhưng đều thất bại. Giai cấp phong kiến Việt Nam lúc đó đại biểu là triều đình nhà Nguyễn đã không đoàn kết được lực lượng dân chúng trong cả nước nên đã từ chủ trương “chủ hòa” đến “chủ hàng” quân xâm lược, trao chủ quyền của đất nước vào tay kẻ thù. Một bộ phận trong giai cấp phong kiến phản động, vì lợi ích của mình còn cam tâm làm tay sai cho giặc, tiếp tay cho chúng đàn áp, bóc lột nhân dân Việt Nam.

Với những chuyển biến nêu trên, Việt Nam từ một nước độc lập trở thành nước thuộc địa, từ xã hội phong kiến trở thành xã hội thuộc địa, nửa phong kiến. Và lúc này, hai mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Việt Nam xuất hiện: Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với chủ nghĩa đế quốc xâm lược và mâu thuẫn giữa nông dân Việt Nam (chiếm đa số) với giai cấp địa chủ phong kiến. Hai mâu thuẫn này có quan hệ khăng khít với nhau, vì đế quốc và phong kiến là hai thế lực cộng sinh, dựa vào nhau để đàn áp, bóc lột nhân dân Việt Nam. Do đó, đấu tranh giành độc lập dân tộc phải gắn liền với đấu tranh giành dân chủ, tự do. “Độc lập” và “Tự do” đã trở thành những yêu cầu cơ bản của nhân dân Việt Nam nhằm giải phóng đất nước khỏi ách thống trị ngoại bang và giải phóng nhân dân lao động khỏi sự bóc lột của địa chủ phong kiến.

Cuộc chiến đấu chống ngoại xâm của nhân dân Việt Nam vào cuối thế kỷ XIX dưới sự lãnh đạo của nhiều nhà yêu nước còn chịu ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến đã trở nên lạc hậu, lỗi

thời và không thể thành công trước vũ khí tối tân và các phương pháp bạo lực tàn ác của kẻ thù. Đặc biệt là sự thất bại của phong trào Cần Vương mà dấu mốc là sự tan rã của cuộc Khởi nghĩa Hương Khê do Phan Đình Phùng và Cao Thắng lãnh đạo vào năm 1895-1896 đã đánh dấu sự chấm dứt thời kỳ đấu tranh chống thực dân Pháp trong khuôn khổ hệ tư tưởng phong kiến.

Sang đầu thế kỷ XX, một số nhà yêu nước Việt Nam trước hết là các sĩ phu có tư tưởng canh tân đã hướng ra nước ngoài với mong muốn tìm thấy những con đường cứu nước mới. Điển hình là Phan Bội Châu với phong trào Đông Du và Phan Châu Trinh với Đông kinh nghĩa thực và cuộc vận động Duy Tân. Song, con đường cứu nước “dựa vào Nhật để đuổi Pháp” theo lựa chọn của Phan Bội Châu hay “Ỗ vào Pháp để cầu tiến bộ” theo tính toán của Phan Châu Trinh sau một thời kỳ phát triển rầm rộ, sôi động đã sớm bị kẻ thù dập tắt trong máu lửa. Thất bại của phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản do Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh cùng các cộng sự của hai ông khởi xướng, lãnh đạo, cũng như thất bại của gần 30 năm (1884-1913) chiến đấu ngoan cường của nghĩa quân Yên Thế đứng đầu là Hoàng Hoa Thám đã bộc lộ tình trạng khủng hoảng sâu sắc về con đường cứu nước trong phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam.

Dù thất bại, nhưng cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam vì độc lập, tự do là sự nối tiếp truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam, làm kẻ thù phải khiếp sợ. Một nhà sử học người Pháp đã nhận xét: “chúng ta (người Pháp - TG) không biết rằng Việt Nam là một dân tộc kiên cường, gắn bó với lịch sử của riêng mình, với những thế chế của riêng mình và thiết tha với nền độc lập của mình. Chúng ta không biết rằng trong các thế kỷ trước, Việt Nam chưa bao giờ chịu khuất phục trước kẻ xâm lược. Tình trạng

của chúng ta là rất đổi khủng khiếp, vì chúng ta phải đương đầu với một dân tộc thống nhất mà ý thức dân tộc của họ không hề bị suy yếu”¹.

2 Trước cuộc khủng hoảng về con đường giải phóng dân tộc, năm 1911 người thanh niên Nguyễn Tất Thành với một tinh thần yêu nước mãnh liệt, bằng trí tuệ sáng suốt đã vượt qua được tầm nhìn hạn chế của các nhà yêu nước đương thời để ra đi tìm đường cứu nước. Nguyễn Tất Thành đã quyết định đi sang nước Pháp và các nước phương Tây, nơi có tư tưởng tự do, dân chủ và có khoa học, kỹ thuật phát triển để tìm con đường giải phóng cho dân tộc mình. Do xác định được hướng đi, Nguyễn Tất Thành (sau đó đổi tên là Nguyễn Ái Quốc) đã trở thành người Việt Nam đầu tiên tìm ra con đường đúng đắn để giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc Việt Nam.

Chịu ảnh hưởng tích cực từ thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 và tích cực hoạt động trong phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Pháp, tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc đã tiếp xúc với bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin. Sau này, trong bài viết “Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin”, Người đã viết: “Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta””².

Con đường được Nguyễn Ái Quốc xác định chính là con đường cách mạng vô sản. Sự kiện tháng 12-1920, Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp đã đánh dấu bước ngoặt

trong hành trình hoạt động của Người, đồng thời là bước ngoặt của lịch sử cách mạng Việt Nam - gắn liền độc lập dân tộc với CNXH. Để thực hiện sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc tích cực chuẩn bị về mọi mặt để tiến tới thành lập một tổ chức tiên phong lãnh đạo cách mạng vô sản ở Việt Nam: viết cuốn sách *Bản án chế độ thực dân Pháp* để thức tỉnh lòng yêu nước, căm thù giặc của nhân dân Việt Nam; sáng lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* với nòng cốt là *Thanh niên cộng sản Đoàn*; mở các lớp huấn luyện cách mạng tại Quảng Châu (Trung Quốc) để đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam, trước mắt nhằm tiến tới thành lập Đảng Cộng sản ở Việt Nam.

Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và các đồng chí của Người đã thúc đẩy mạnh mẽ phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam. Trong bối cảnh ấy, với sự kết hợp của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới sự hình thành một số tổ chức cộng sản ở Việt Nam. Song, sự biệt lập và chia rẽ của các tổ chức này khiến lực lượng cách mạng bị phân tán. Trước tình hình đó, Nguyễn Ái Quốc, với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản đã triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản vào đầu năm 1930. Hội nghị họp tại một địa điểm ở Hồng Kông (Trung Quốc); về thời gian họp Hội nghị, trong bản “Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản” ngày 18-2-1930, Nguyễn Ái Quốc viết: “Chúng tôi họp vào ngày 6-1... các đại biểu trở về An Nam ngày 8-2”³.

Điều quan trọng là trong Hội nghị hợp nhất, các đại biểu đã thảo luận và thông qua *Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng* và *Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam* do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Trong đó, *Chánh*

ương văn tắt của Đảng và Sách lược văn tắt của Đảng đã đánh giá tính chất thuộc địa của xã hội Việt Nam và chỉ rõ những mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam, nhân dân Việt Nam với chính quyền thực dân và phong kiến tay sai, đồng thời xác định đường hướng phát triển và chiến lược, sách lược của cách mạng Việt Nam là đoàn kết rộng rãi các giai cấp, tầng lớp nhân dân và các tổ chức đảng phái yêu nước do đội tiên phong của giai cấp vô sản là Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do cho đất nước và hạnh phúc cho nhân dân.

Với những nội dung nêu trên, có thể khẳng định: “*Chánh cương văn tắt của Đảng, Sách lược văn tắt của Đảng là Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam*”⁴.

Sự kiện Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với cương lĩnh cách mạng đầu tiên được thông qua tạo nên cơ sở vững chắc về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự phát triển của sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam. Đây là một sự kiện có ý nghĩa trọng đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam, “*Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng*”⁵. Khi mới thành lập, “số lượng đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam là 310 đảng viên, trong đó ở Bắc kỳ là 204, Nam kỳ là 51, Xiêm là 40, Trung Quốc và các nơi khác là 15 đảng viên”⁶.

3 Trải qua 15 năm xây dựng và phát triển, từ lãnh đạo phong trào cách mạng 1930-1931 với đỉnh cao Xô viết Nghệ - Tĩnh đến lãnh đạo phong trào dân sinh, dân chủ, chống nguy cơ phát xít và chiến tranh (1936-1939), Đảng đã đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết, trước hết và xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang

giành chính quyền về tay nhân dân (1939-1945). Với khoảng 5.000⁷ đảng viên, Đảng đã lãnh đạo toàn dân tiến hành Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 thắng lợi, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi đã đánh đổ chế độ thực dân, phong kiến, giành độc lập dân tộc, thành lập nước cộng hòa dân chủ, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, đưa dân tộc Việt Nam tiến vào kỷ nguyên mới: Kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Về ý nghĩa thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “*Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc*”⁸.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 chứng tỏ sự trưởng thành vượt bậc của Đảng Cộng sản Việt Nam cả về lý luận và phương pháp cách mạng, thể hiện rõ nét đường lối độc lập, tự chủ và sáng tạo trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Đảng. Chính đường lối độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng đã tập hợp, đoàn kết được mọi giai cấp và tầng lớp trong xã hội, thông qua Mặt trận Việt Minh đã xây dựng được lực lượng về mọi mặt để tiến tới cuộc tổng khởi nghĩa toàn quốc với sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang hướng tới mục tiêu cao cả là độc lập cho dân tộc và tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã dẫn tới sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, đưa Đảng Cộng sản Việt Nam từ một đảng cách mạng thành đảng cầm

quyền. Song, nền độc lập chưa giành được bao lâu, thực dân Pháp đã quay trở lại xâm lược Việt Nam. Mặc dù Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tìm mọi cách để kéo dài thời gian hòa bình cho đất nước như ký Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946, theo nguyên tắc “*Dĩ bất biến ứng vạn biến*”, “Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”⁹.

Trải qua 9 năm thực hiện cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, dưới sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân và dân Việt Nam đã giành được thắng lợi to lớn kết thúc bằng cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953-1954 với đỉnh cao là Chiến dịch Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Genève năm 1954 lập lại hòa bình ở Đông Dương, rút quân đội viễn chinh Pháp về nước trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam và các nước khác trên bán đảo Đông Dương.

Với Hiệp định Genève, hòa bình được lập lại trên toàn bán đảo Đông Dương, tuy nhiên Hiệp định cũng quy định: Nước Việt Nam bị tạm thời chia cắt làm hai miền qua vĩ tuyến 17 và sẽ được thống nhất thông qua một cuộc Tổng tuyển cử tự do trong cả nước, dự định tổ chức vào tháng 7-1956. Trên thực tế cho thấy, mặc dù chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã nhiều lần đề nghị chính quyền Sài Gòn lúc ấy hiệp thương để tiến tới tổng tuyển cử, nhưng chính quyền Sài Gòn với sự chủ mưu của đế quốc Mỹ đã từ chối hiệp thương, xé bỏ những cam kết về hòa bình, thống nhất đất nước theo

tinh thần của Hiệp định Genève. Mỹ đã nhanh chóng hất cẳng Pháp ra khỏi miền Nam và lập nên ở Sài Gòn một chính phủ thân Mỹ do Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng. Đây là việc làm đầu tiên của Mỹ nhằm áp đặt chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam với đặc điểm là: “không phải bằng hệ thống cai trị trực tiếp của bọn đế quốc mà thông qua một chính quyền tay sai đại biểu quyền lợi cho giai cấp địa chủ phong kiến và tư sản mại bản khoác áo “dân tộc dân chủ” giả hiệu”¹⁰.

Với vũ khí, đồng đô la và hệ thống cổ vũ các cấp, Mỹ ra sức xây dựng và củng cố chế độ tay sai và huấn luyện quân đội Sài Gòn thành một đội quân đánh thuê nhằm ra sức đàn áp, khủng bố chống lại cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam đòi thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp định Genève, tổ chức tổng tuyển cử, thống nhất đất nước. Bằng súng đạn được Mỹ trang bị và thông qua quân đội, cảnh sát, chính quyền Sài Gòn đã thực hiện hàng chục cuộc hành quân càn quét vào các vùng căn cứ kháng chiến cũ, mở nhiều chiến dịch “Tố cộng” nhằm vào những người dân yêu nước miền Nam Việt Nam. Chỉ tính trong khoảng thời gian từ tháng 7-1954 đến năm 1960, Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã giết hại hơn 90 nghìn người dân yêu nước ở miền Nam, bắt bớ, tra tấn, giam cầm hơn 800.000 người khác trong hệ thống nhà tù và trại tập trung của chúng¹¹. “Những khó khăn và tổn thất của ta kéo dài trong 4 năm (1955-1958 - TG), nhất là vào 2 năm 1957-1958, chủ yếu là do về mặt chỉ đạo đấu tranh cách mạng, Đảng ta chưa tìm ra được phương pháp và hình thức thích hợp để quần chúng chủ động chống trả địch một cách có hiệu quả”¹².

Trước âm mưu và các hành động trắng trợn của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn, đồng chí Lê Duẩn, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Xứ ủy Nam Bộ đã soạn thảo *Đề cương cách mạng*

miền Nam (8-1956), trong đó chỉ rõ: “Nhân dân ta ở miền Nam chỉ có một con đường là vùng lên chống lại Mỹ - Diệm để cứu nước và tự cứu mình. Đó là con đường cách mạng. Ngoài con đường đó không còn con đường nào khác”¹³. Đặc biệt, kịp thời nắm bắt nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân cả nước, tháng 1-1959, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 15 khoá II (mở rộng) đã xác định con đường tiến lên của cách mạng miền Nam, nhiệm vụ chiến lược của mỗi miền và của cả nước nhằm góp phần giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất nước nhà; đồng thời, chỉ rõ con đường bạo lực cách mạng, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang để đánh đổ Mỹ - Diệm và giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Sự ra đời của Nghị quyết HNTU 15 thể hiện bản lĩnh, sự dày dặn và trưởng thành vượt bậc với tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng đã đáp ứng được yêu cầu cấp thiết của sự nghiệp cách mạng và tạo được bước nhảy vọt của cách mạng miền Nam. Tiếp đó, đường lối và phương pháp cách mạng Việt Nam được thông qua tại Đại hội III (9-1960) của Đảng đã tạo điều kiện cho các cuộc khởi nghĩa từng phần ở khắp các địa phương miền Nam phát triển, làm phá sản hình thức thống trị cổ truyền của chủ nghĩa thực dân mới và sau đó làm thất bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) của đế quốc Mỹ ở miền Nam Việt Nam.

Thất bại của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” đã buộc đế quốc Mỹ phải tiến hành chiến lược “chiến tranh cục bộ”, đưa quân chiến đấu vào miền Nam để cứu vãn cho chính quyền và quân đội tay sai trước nguy cơ thất bại hoàn toàn. Lúc cao nhất năm 1968, số quân chiến đấu Mỹ đổ vào miền Nam ở mức 543.000 quân¹⁴.

Trước sự leo thang chiến tranh của Mỹ, Đảng đã đánh giá đúng tình hình chiến lược mới một

cách bình tĩnh và sáng suốt, tạo nên sự nhất trí cao trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, với tinh thần cả nước một lòng, quyết tâm đánh giặc Mỹ xâm lược. Các HNTU 11 (3-1965), nhất là HNTU 12 (12-1965) của Đảng đã phân tích toàn diện, sâu sắc về chiến lược mới trong thế thua của Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam và đề ra chủ trương đối phó đúng đắn, chủ động, sáng tạo, trong đó có chủ trương đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động đối ngoại, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế, góp phần hình thành trên thực tế một mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam chống Mỹ xâm lược. Ngày 17-7-1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra “Lời kêu gọi lịch sử toàn dân chống Mỹ, cứu nước”, trong đó Người nhấn mạnh: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”¹⁵.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân và dân hai miền Nam - Bắc đã tăng cường đoàn kết trong lao động sản xuất và chiến đấu. Ở miền Bắc nổi lên các phong trào “Thanh niên ba sẵn sàng”, “Phụ nữ ba đảm đang”, “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, vừa bảo vệ vững chắc hậu phương cách mạng của cả nước, vừa tích cực chi viện sức của, sức người cho chiến trường miền Nam; ở miền Nam, nổi lên các phong trào “*Tìm Mỹ mà đánh, tìm nguy mà diệt*”, “*Nắm thắt lưng địch mà đánh*”,...

Những thắng lợi của quân và dân miền Nam trong hai cuộc phản công mùa khô 1965-1966 và 1966-1967 của Mỹ và thắng lợi oanh liệt trong cuộc tiến công Tết Mậu Thân 1968 đã đánh bại cố gắng quân sự cao nhất của Mỹ trong cuộc

chiến tranh xâm lược Việt Nam, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, chuyển từ “Phi Mỹ hoá chiến tranh”, rồi “Việt Nam hoá chiến tranh”, bắt đầu quá trình rút dần quân Mỹ về nước, chấm dứt về cơ bản cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc và cử đoàn đàm phán với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại thủ đô Paris của nước Pháp.

Những thắng lợi vang dội của quân và dân Việt Nam trên cả hai miền Nam - Bắc trong các Chiến dịch Đường 9 - Trị Thiên, Bắc Tây Nguyên và Đông Nam Bộ cùng với chiến thắng của quân và dân miền Bắc đánh trả cuộc tiến công bằng không quân cuối năm 1972 làm nên trận “*Điện Biên Phủ trên không*”, đã buộc Mỹ phải ký kết Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam ngày 27-1-1973. Theo Hiệp định, Mỹ phải công nhận độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, chấm dứt mọi sự dính líu quân sự, rút hết quân Mỹ và quân đội đồng minh của Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam, chấp nhận lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam vẫn ở nguyên tại miền Nam...

Hiệp định Paris là mốc đánh dấu thắng lợi to lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân và dân Việt Nam, là sự thể hiện tính đúng đắn trong chủ trương của Đảng kết hợp đấu tranh trên cả 3 mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao để giành thắng lợi cho cách mạng.

Tuy nhiên, sau khi Hiệp định Paris được ký kết, Hội đồng quốc gia hòa giải và hòa hợp dân tộc được thành lập, tiến tới tổng tuyển cử tự do và dân chủ ở miền Nam, song Mỹ vẫn tiếp tục hỗ trợ về nhiều mặt cho chính quyền và quân đội Sài Gòn chống lại các lực lượng cách mạng Việt Nam; chính quyền Sài Gòn được Mỹ ủng hộ và tiếp sức đã tìm mọi cách phá hoại Hiệp định Paris, liên tiếp mở hàng loạt các cuộc hành quân nhằm giành đất và giành dân, mở rộng địa bàn kiểm soát... Trước tình hình đó, Bộ Chính trị chủ

trương kiên quyết chống lại các hành động quân sự của chính quyền Sài Gòn, chủ động tiến công địch, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và pháp lý... Nghị quyết HNTU 21 khoá III (7-1973) nêu rõ: “Con đường của cách mạng miền Nam là con đường bạo lực cách mạng bất kể trong tình huống nào, ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên... Vấn đề giành dân giành quyền làm chủ, phát triển lực lượng cách mạng là yêu cầu vừa cấp thiết vừa cơ bản trong giai đoạn mới”¹⁶.

Thực hiện Nghị quyết HNTU 21, trên khắp chiến trường miền Nam, các lực lượng vũ trang cách mạng liên tục phản công và tiến công địch, giành nhiều thắng lợi to lớn trên nhiều địa bàn chiến lược, như Chiến dịch đường số 2 Bà Rịa - Long Khánh (5-1974), Chiến dịch Nông Sơn - Thượng Đức (tháng 7, 8-1974), Chiến dịch La Sơn - Mỏ Tàu (mật danh K18) ở Trị Thiên (8-1974),... Đặc biệt, Chiến dịch đường 14 - Phước Long (12-1974 đến 1-1975) đã tiêu diệt một bộ phận chủ lực địch, mở rộng vùng giải phóng, tạo thêm địa bàn tiến công Sài Gòn, góp phần thay đổi đáng kể tương quan lực lượng và thế bố trí trên chiến trường Đông Nam Bộ giữa quân giải phóng và quân đội Sài Gòn, bẻ gãy một mắt xích quan trọng tuyến phòng thủ vòng ngoài Sài Gòn. Ngay sau chiến thắng Phước Long, lực lượng cách mạng đã liên tục tiến công để giải phóng Tây Nguyên, giải phóng Huế - Đà Nẵng và các tỉnh Trung Trung Bộ và mở Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử (4-1975), giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam, kết thúc toàn thắng cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kéo dài 21 năm.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 kết thúc bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân đội và

nhân dân Việt Nam đã kết thúc vẻ vang sự nghiệp giải phóng đất nước khỏi ách thống trị của chế độ thực dân, phong kiến.

Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nhân dân Việt Nam đã giành lại được độc lập và tự do, thu giang sơn về một mối, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước, tạo điều kiện để xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc, sánh vai với các quốc gia, dân tộc tiên phong trên thế giới.

Thắng lợi của sự nghiệp cách mạng vẻ vang của nhân dân Việt Nam xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó nhân tố quyết định nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng một cách sáng tạo các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước, có đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn, sáng tạo, xây dựng được khối đại đoàn kết toàn dân theo giá trị cao đẹp “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”.

1. Bernard “F”, *L’Indo-Chine, Erreurs et dangers - un programme* (Béna F. Đông Dương, những sai lầm và hiểm họa; Một chương trình. Tủ sách Sác-păng-chi-ê, Paris, 1901. Dẫn theo: GS, NGND Đinh Xuân Lâm, *Góp phần tìm hiểu cuộc đời và tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb CTQG, H, 2005, tr. 47

2. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 12, tr. 562

3. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 3, tr. 13. Về ngày thành lập Đảng, Đại hội III của Đảng tháng 9-1960 đã xem xét và quyết nghị: “Từ nay trở đi sẽ lấy ngày 3 tháng 2 dương lịch mỗi năm làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng” (xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2002, T. 21, tr. 904

4. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng, GS.TS NGND Trịnh Nhu (chủ biên), *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tập I (1930-1954), Quyển I (1930-1945)*, Nxb CTQG, H, 2018, tr. 143

5. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 12, tr. 406

6. Theo báo cáo của Nguyễn Ái Quốc gửi Quốc tế Cộng sản ngày 18-2-1930, xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 1998, T. 2, tr. 21

7. Về tổng số đảng viên của Đảng tại thời điểm Cách mạng Tháng Tám năm 1945, có nhiều số liệu khác nhau: Theo *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 11, tr. 220, tổng số đảng viên của Đảng có 5.000 đảng viên. Theo thống kê dựa trên Báo cáo tại Hội nghị toàn quốc của Đảng tháng 8-1945, toàn quốc có 1.271 đồng chí. Có tài liệu khác viết, trong Tổng khởi nghĩa có 3.000 đảng viên. Xem: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng, GS, TS NGND Trịnh Nhu (chủ biên): *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tập I (1930-1954), Quyển I (1930-1945)*, Nxb CTQG, H, 2018, tr. 669

8. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 7, tr. 25

9. *Sđđ*, T. 4, tr. 534

10. Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb Tiền Phong, 1970, tr. 23

11. Phong Hiền, *Chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam*, Nxb Thông tin lý luận, H, 1984, tr. 35

12. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh - trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Thắng lợi và bài học*, Nxb CTQG, H, 2015, tr. 45

13. Lê Duẩn: *Về chiến tranh nhân dân Việt Nam*, Nxb CTQG, H, 1993, tr. 101

14. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975) - Thắng lợi và bài học*, Nxb CTQG, H, 2000, tr. 493

15. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 15, tr. 131

16. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2004, tr. 160-186.